

DANH SÁCH
Sinh viên K41 nhận khen thưởng trong lễ tốt nghiệp

I. SINH VIÊN TỐT NGHIỆP LOẠI XUẤT SẮC

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngành/Chuyên ngành	Điểm TBC	Ghi chú
1	17A5011520	Phan Thị Kim Phú	CN. Luật Dân sự	3.61	
2	17A5021308	Hồ Như Phượng	Ngành Luật Kinh tế	3.61	
3	17A5021304	Nguyễn Thị Thu Phương	Ngành Luật Kinh tế	3.60	

(Danh sách này có 03 sinh viên)

II. SINH VIÊN TỐT NGHIỆP LOẠI GIỎI

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngành/Chuyên ngành	Điểm TBC	Ghi chú
1	17A5011286	Trần Thị Kiều Khanh	CN. Luật Dân sự	3.57	
2	17A5011819	Trần Thị Ngọc Ý	CN. Luật Dân sự	3.57	
3	17A5011119	Nguyễn Thị Hoa Đào	CN. Luật Dân sự	3.56	
4	17A5011491	Nguyễn Thị Út Nhi	CN. Luật Dân sự	3.43	
5	17A5011502	Nguyễn Thị Kim Nhung	CN. Luật Dân sự	3.42	
6	17A5011050	Hồ Tất Cảnh	CN. Luật Dân sự	3.40	
7	17A5011304	Bùi Thị Kiều	CN. Luật Dân sự	3.38	
8	17A5011682	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	CN. Luật Dân sự	3.37	
9	17A5011723	Đoàn Thị Hoài Trình	CN. Luật Dân sự	3.37	
10	17A5011305	Nguyễn Thị Bích Kiều	CN. Luật Dân sự	3.36	
11	17A5011395	Thân Thị Ly Ly	CN. Luật Dân sự	3.36	
12	17A5011204	Nguyễn Kiều Thanh Hiếu	CN. Luật Dân sự	3.35	
13	17A5011176	Bùi Võ Thu Hảo	CN. Luật Dân sự	3.33	
14	17A5011121	Trần Thị Hồng Đào	CN. Luật Dân sự	3.33	
15	17A5011044	Dương Thị Thanh Bình	CN. Luật Dân sự	3.32	
16	17A5011458	Trần Thị Ngọc	CN. Luật Dân sự	3.32	
17	17A5011769	Lê Mai Nhật Uyên	CN. Luật Dân sự	3.32	
18	17A5011200	Nguyễn Thị Hiền	CN. Luật Dân sự	3.28	
19	17A5011475	Nguyễn Văn Nhân	CN. Luật Dân sự	3.25	
20	17A5011397	Trần Thị Ngọc Ly	CN. Luật Dân sự	3.25	
21	17A5011185	Bùi Việt Hằng	CN. Luật Dân sự	3.24	

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngành/Chuyên ngành	Điểm TBC	Ghi chú
22	17A5011316	Trần Thị Lành	CN. Luật Dân sự	3.23	
23	17A5011096	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	CN. Luật Hành chính	3.55	
24	17A5011334	Đàm Thị Tú Linh	CN. Luật Hành chính	3.50	
25	17A5011177	Võ Thị Thanh Hảo	CN. Luật Hành chính	3.47	
26	17A5011467	Bùi Thị Nhanh	CN. Luật Hành chính	3.46	
27	17A5011488	Nguyễn Thị Hồng Nhi	CN. Luật Hành chính	3.41	
28	17A5011102	Nguyễn Thị Thuý Duyên	CN. Luật Hành chính	3.36	
29	17A5011452	Hoàng Như Ngọc	CN. Luật Hành chính	3.36	
30	17A5011784	Lê Thị Kim Vi	CN. Luật Hành chính	3.33	
31	17A5011774	Trịnh Thị Tố Uyên	CN. Luật Hành chính	3.31	
32	17A5011409	Phạm Thị Mận	CN. Luật Hành chính	3.31	
33	17A5011162	Nguyễn Thị Bảo Hà	CN. Luật Hành chính	3.29	
34	17A5011739	Phan Thị Huỳnh Truyền	CN. Luật Hành chính	3.27	
35	17A5011440	Nguyễn Thị Nga	CN. Luật Hành chính	3.27	
36	17A5011019	Võ Thị Kim Anh	CN. Luật Hành chính	3.26	
37	17A5011535	Doãn Thị Bích Phượng	CN. Luật Hành chính	3.26	
38	17A5011442	Trần Thị Hằng Nga	CN. Luật Hành chính	3.23	
39	17A5011497	Cao Thị Nhung	CN. Luật Hành chính	3.23	
40	17A5011215	Nguyễn Thị Hoa	CN. Luật Hành chính	3.21	
41	17A5011054	Hồ Thị Thanh Chi	CN. Luật Hành chính	3.21	
42	17A5011579	Lê Văn Tám	CN. Luật Hành chính	3.20	
43	17A5011149	Trần Thị Giang	CN. Luật Hành chính	3.20	
44	17A5011404	Nguyễn Phương Mai	CN. Luật Hình sự	3.47	
45	17A5011234	Ngô Thị Ánh Hồng	CN. Luật Hình sự	3.46	
46	16A5011257	Hà Hoàng Nhi	CN. Luật Hình sự	3.41	
47	17A5011120	Nguyễn Thị Xuân Đào	CN. Luật Hình sự	3.35	
48	17A5011503	Nguyễn Trần Cẩm Nhung	CN. Luật Kinh tế	3.40	
49	17A5011464	Phan Đình Nguyên	CN. Luật Quốc tế	3.32	
50	17A5021489	Trần Văn Hoàng	Ngành Luật Kinh tế	3.54	
51	17A5021416	Trương Thị Thùy Trang	Ngành Luật Kinh tế	3.52	
52	17A5021470	Huỳnh Thị Diễm Xuân	Ngành Luật Kinh tế	3.50	
53	17A5021219	Phạm Thị Kim Anh	Ngành Luật Kinh tế	3.48	

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngành/Chuyên ngành	Điểm TBC	Ghi chú
54	17A5021264	Hoàng Thị Hương	Ngành Luật Kinh tế	3.47	
55	17A5021012	Phạm Đức Anh	Ngành Luật Kinh tế	3.45	
56	17A5021156	Nguyễn Thị Vũ Lan	Ngành Luật Kinh tế	3.44	
57	17A5021061	Nguyễn Thị Mỹ Nhi	Ngành Luật Kinh tế	3.43	
58	17A5021477	Trịnh Thị Thảo	Ngành Luật Kinh tế	3.43	
59	17A5021173	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Ngành Luật Kinh tế	3.42	
60	17A5021083	Hoàng Thị Thùy Trang	Ngành Luật Kinh tế	3.41	
61	17A5021131	Phạm Thị Huyền Trang	Ngành Luật Kinh tế	3.40	
62	17A5021273	Trần Thị Kim Thoa	Ngành Luật Kinh tế	3.39	
63	17A5021350	Phan Thị Minh Nguyên	Ngành Luật Kinh tế	3.39	
64	17A5021207	Lê Thành Đạt	Ngành Luật Kinh tế	3.38	
65	17A5021053	Võ Thành An	Ngành Luật Kinh tế	3.35	
66	17A5021406	Huỳnh Đặng Kim Ngân	Ngành Luật Kinh tế	3.34	
67	17A5021023	Võ Thị Huyền	Ngành Luật Kinh tế	3.34	
68	17A5021414	Hồ Thị Thu Trà	Ngành Luật Kinh tế	3.34	
69	17A5021365	Lê Thị Kim Anh	Ngành Luật Kinh tế	3.33	
70	17A5021137	Bùi Hoài Linh	Ngành Luật Kinh tế	3.32	
71	17A5021261	Nguyễn Hữu Lộc	Ngành Luật Kinh tế	3.31	
72	16A5021368	Nguyễn Thúy Hậu	Ngành Luật Kinh tế	3.30	
73	17A5021138	Ngô Thị Loan	Ngành Luật Kinh tế	3.30	
74	17A5021067	Bành Thị Như Thường	Ngành Luật Kinh tế	3.29	
75	17A5021112	Nguyễn Thị Xuân Huệ	Ngành Luật Kinh tế	3.28	
76	17A5021349	Doãn Thị Ly Na	Ngành Luật Kinh tế	3.28	
77	17A5021003	Lê Thị Thu Hoài	Ngành Luật Kinh tế	3.28	
78	17A5021501	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Ngành Luật Kinh tế	3.27	
79	17A5021245	Đào Bá Son	Ngành Luật Kinh tế	3.26	
80	17A5021153	Cổ Diễm Trinh	Ngành Luật Kinh tế	3.26	
81	17A5021418	Phan Thị Huyền Trang	Ngành Luật Kinh tế	3.26	

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngành/Chuyên ngành	Điểm TBC	Ghi chú
82	17A5021007	Lê Thị Thắm	Ngành Luật Kinh tế	3.25	
83	17A5021376	Phan Hoàng Châu	Ngành Luật Kinh tế	3.23	
84	17A5021189	Phan Bích Ngân	Ngành Luật Kinh tế	3.23	
85	17A5021373	Phạm Thị Mỹ Trinh	Ngành Luật Kinh tế	3.23	
86	17A5021449	Trần Thị Linh Chi	Ngành Luật Kinh tế	3.22	
87	17A5021211	Nguyễn Thị Như Sương	Ngành Luật Kinh tế	3.22	
88	17A5021240	Nguyễn Thị Thảo	Ngành Luật Kinh tế	3.21	
89	17A5021103	Ngô Hà Kiều Trang	Ngành Luật Kinh tế	3.21	
90	17A5021116	Nguyễn Thị Hải Hà	Ngành Luật Kinh tế	3.21	
91	17A5021015	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Ngành Luật Kinh tế	3.21	
92	17A5021205	Phạm Thị Mến	Ngành Luật Kinh tế	3.20	
93	17A5021394	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Ngành Luật Kinh tế	3.20	
94	17A5021144	Huỳnh Thị Như	Ngành Luật Kinh tế	3.20	

(Danh sách này có 94 sinh viên)